

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ B  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 27-10-2021  
“V/v ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:*** Ông Cao Anh Tuấn.

***- Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Bùi Ngọc Khánh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, về việc “*Ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 27/2021/QĐST- HNGĐ ngày 24/8/2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Dương Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 30 Hoàng V, tổ dân phố Đ, phường H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

***- Bị đơn:*** Bà Dương Thị S, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 30 Hoàng V, tổ dân phố Đ, phường H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:***

- Về hôn nhân: Tôi và bà Dương Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, và bà S đã bỏ đi từ đó cho đến nay, không còn sống

chung với nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Dương Thị S.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Dương Thị Phương L, hiện nay cháu đã trên 18 tuổi và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bà Dương Thị S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Dương Văn T được ly hôn với bà Dương Thị S. Về con chung: Con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án:** Ngày 19/04/2021 Tòa án nhân được đơn khởi kiện của ông Dương Văn T, ngày 17/5/2021 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của ông T là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết:** Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về trình tự thủ tục tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Dương Thị S không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 27/10/2021 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[4] Về quan hệ hôn nhân:** Ông Dương Văn T, bà Dương Thị S có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 20 tháng 7 năm 2001 tại Ủy ban

nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên ông T đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho ly hôn với bà Dương Thị S. Tại biên bản xác minh ngày 14/7/2021 tại chính quyền địa phương thì xác định gia đình ông T, bà S có mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông T, bà S đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Dương Văn T, bà Dương Thị S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Dương Văn T, bà Dương Thị S ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Dương Văn T, bà Dương Thị S có 01 con chung là cháu Dương Thị Phương L, hiện nay cháu đã trên 18 tuổi và lập gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

#### *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Dương Văn T được quyền ly hôn với bà Dương Thị S.

2. Về con chung: Hiện nay con chung trên 18 tuổi nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0007114 ngày 12/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- UBND P. Đ;
- Chi cục THA dân sự Tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Anh Tuấn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Anh Tuấn**